

Bản án số: 150/2024/DS - PT

Ngày: 24 - 7 - 2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Đức Cảnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Bích Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2024/TLPT-DS ngày 22-5-2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS – ST ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2024/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Cụ Đào Thị M, sinh năm 1932. Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định (chết ngày 22-04-2024);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Đào Thị M gồm có: Ông Lương Hữu Í, ông Lương Xuân H, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1;

- **Bị đơn:** Anh Lương Hồng V, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lương Xuân H, sinh năm 1953; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1958; Nơi thường trú: Thôn I, H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

3. Bà Lương Thị S, sinh năm 1961; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

4. Ông Lương Xuân K, sinh năm 1963; Nơi thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

5. Ông Lương Xuân D, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

6. Bà Lương Thị H2, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Số E, đường C, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;

7. Ông Lương Hữu Í, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

8. Bà Trần Thị N, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N là ông Lương Hữu Í, sinh năm 1974. Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

9. Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1963; Nơi thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị P là ông Lương Xuân K, sinh năm 1963. Nơi thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

10. Chị Lương Thị C, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Số nhà A, tổ D đường P, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội;

11. Chị Lương Thị C1, sinh năm 1987; Nơi thường trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- *Người kháng cáo:* Anh Lương Hồng V là nguyên đơn, chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1, ông Lương Xuân H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông Lương Hữu Í, anh Lương Hồng V, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân H còn những người khác vắng mặt có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2023 và biên bản lấy lời khai nguyên đơn cụ Đào Thị M trình bày:

Cụ Đào Thị M, sinh năm 1932 và cụ Lương Xuân T, sinh năm 1932 sinh được 08 người con gồm ông Lương Xuân Đ (đã chết ngày 17-8-1993 âm lịch), ông Lương Xuân H, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2, ông Lương Hữu Í. Cụ M và cụ T không có con riêng, con nuôi.

Ngày 28 tháng 6 năm 2004, hộ ông Lương Xuân T được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y155920 được quyền sử dụng 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 144, tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19, ở thôn T (nay là thôn Đ), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Đất có nguồn gốc do một phần tổ tiên để lại và một phần do cụ M và cụ T tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Lương Xuân T có 02 khẩu là cụ Đào Thị M và cụ Lương Xuân T. Các con đã tách khẩu ra ở riêng hết.

Ngày 18-8-2010 cụ Lương Xuân T chết không để lại di chúc. Cụ M khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Lương Xuân T trong khối tài sản chung giữa cụ M và cụ T bao gồm tổng diện tích là 530m<sup>2</sup> đất kể trên. Hiện nay trên diện tích đất đó đang có một ngôi nhà hai tầng kiên cố của gia đình ông Lương Hữu Í đang sinh sống; một ngôi nhà mái bằng 01 tầng đã cũ và xuống cấp của cụ Đào Thị M đang ở và một ngôi nhà của lợp tôn của ông Lương Xuân K đang ở.

Cụ M đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T theo pháp luật. Đối với suất thừa kế mà con gái cụ là bà Lương Thị S được hưởng của cụ T, bà S cho cụ M, cụ đồng ý nhận và cho lại con trai út là Lương Hữu Í. Đối với suất thừa kế mà cụ M được hưởng của cụ T, cụ M xin nhận và cho lại con trai là Lương Hữu Í. Đối với phần đất là tài sản riêng của cụ M được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ T, cụ M cũng cho lại con trai út là Lương Hữu Í. Do con trai là Lương Xuân K hiện nay đã làm nhà ở. Nếu suất thừa kế của ông K và ông D cho ông K chưa đủ diện tích mà ông K đã làm nhà thì cụ M xin cắt một phần đất của cụ để cho ông K đủ với diện tích ông K đã xây nhà.

\* Theo đơn trình bày, lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Lương Hồng V trình bày: Bố anh Lương Hồng V là ông Lương Xuân Đ là con trai trưởng của cụ Lương Xuân T và cụ Đào Thị M. Ông Đ có 04 người con là chị Lương Thị T1 (sinh năm 1980 và đã chết năm 1999, không có chồng con), chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1, anh Lương Hồng V. Cụ Lương Xuân T chết ngày 18-8-2010 không để lại di chúc. Ông Đ đã chết ngày 02-10-1993 (ngày 17-8-1993 âm lịch) không để lại di chúc vì vậy anh V, chị C, chị C1 là người thừa kế thế vị đối với phần di sản mà bố anh được hưởng nếu còn sống.

Về nguồn gốc đất: Anh V khai tổng diện tích đất mà hộ ông Lương Xuân T được cấp quyền sử dụng đất là 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140 tại thôn T (nay là thôn Đ), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định là đất từ thời cụ kỵ anh để lại. Trước khi xảy ra việc tranh chấp tại Tòa, mọi người trong gia đình bao gồm anh và 07 người con của cụ M, cụ T đã họp bàn và thỏa thuận thống nhất giữ 200m<sup>2</sup> đất để làm nhà thờ chung và giữ một ngõ đi chung từ cổng nhà cụ Đào Thị M cho đến hết mảnh đất ra đến khu còn chùa có chiều rộng 1m chiều dài 30m và có biên bản họp gia đình. Nhưng chưa thực hiện thì ông Lương Hữu Í đã

gọi người về bán hết ao, vườn mặc dù đất vẫn mang tên ông Lương Xuân T và chưa được sang tên cho cụ Đào Thị M.

Anh V đề nghị Toà án chia đều di sản thừa kế của cụ Lương Xuân T theo pháp luật cho những ai có quyền lợi đều được hưởng. Về phần thừa kế anh V được hưởng anh V đề nghị Toà án chia cho anh hưởng bằng hiện vật.

Ông Í, ông H, bà H1, bà S, ông K, ông D, bà H2 đều xác nhận: Vợ chồng cụ Đào Thị M, sinh năm 1932, cụ Lương Xuân T, sinh năm 1932 sinh được 08 người con gồm ông Lương Xuân Đ (đã chết năm 1993), ông Lương Xuân H, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2, ông Lương Hữu Í. Cụ M và cụ T không có con riêng, con nuôi. Cụ Lương Xuân T chết ngày 18-8-2010 không để lại di chúc chia di sản thừa kế. Di sản của cụ T để lại là một nửa quyền sử dụng 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 144, tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19, ở thôn T (nay là thôn Đ), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

\* Tại đơn trình bày và bản tự khai ông Lương Hữu Í trình bày: Ông sinh ra và lớn lên tại thôn T (nay là thôn Đ), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 1987 ông nghỉ học và là lao động chính trong gia đình vì nhà đông con nên lúc đó sức khỏe bố mẹ cũng đã già yếu. Các anh chị đã lấy vợ, lấy chồng và đi ở riêng hết chỉ còn ông ở lại nhà chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ già. Năm 1994 ông Í lấy vợ và vợ chồng sống cùng bố mẹ tại căn nhà cấp 4, sau nhiều lần bão làm căn nhà cấp 4 xuống cấp nên ông Í và vợ đã tu sửa lại tường, đổ mái bằng. Năm 2012 do các con đã lớn, nhu cầu về chỗ ở tăng lên nên ông Í có xin cụ M để vợ chồng ông xây dựng một ngôi nhà mái tôn sau đó thì tiết kiệm, tích lũy đến năm 2021 đã phá ngôi nhà mái tôn đi xây dựng ngôi nhà mái bằng 02 tầng với diện tích 120m<sup>2</sup> như hiện nay. Khi ông xây nhà không ai có ý kiến phản đối và không ai có tranh chấp gì.

Ông Í có quan điểm giải quyết vụ án như sau: Ông Í đề nghị Tòa án chia thừa kế của cụ Lương Xuân T theo pháp luật. Phần thừa kế mà ông được hưởng ông Í xin nhận bằng hiện vật và nhận tại vị trí ông đã xây nhà hai tầng như hiện tại. Do cụ M vẫn còn sống và đang sử dụng ngôi nhà cũ, ông Í xin giữ lại cho cụ M ở, sau khi cụ mất thì làm nơi thờ cúng tổ tiên. Đối với suất thừa kế mà ông H và anh V, chị C1, chị C được hưởng thì ông Í xin được trả bằng tiền để ông Í sử dụng phần đất đó.

\* Tại đơn trình bày và bản tự khai ông Lương Xuân H trình bày: Cụ Lương Xuân T chết năm 2010 không để lại di chúc. Anh em trong gia đình có nguyện vọng để lại một phần nhỏ để làm nhà thờ làm nơi thờ tự hương hoá các cụ, một phần cho ông K là bộ đội nhiều năm nay muốn làm nhà ở quê. Ông Í chưa được sang tên sổ đỏ đã tự ý xây nhà riêng và bán đất lung tung, sổ đỏ thế chấp ở ngân hàng nên không làm được giấy tờ chuyển nhượng nên đã họp bàn anh em và có biên bản họp gia đình ngày 01-5-2021. Tuy nhiên khi làm giấy tờ ông Í không trực tiếp đi xin mà nhờ người mua đất đi xin chữ ký của mọi người nên dẫn đến sự việc tranh chấp ngày hôm nay. Ông Lương Xuân H đề nghị Toà án chia di sản

thừa kế của cụ Lương Xuân T theo quy định của pháp luật. Suất thừa kế ông được hưởng thì ông xin nhận bằng hiện vật.

\* Tại bản tự khai ông Lương Xuân K trình bày: Ông K đi bộ đội, xa quê nhiều năm, nay khi về hưu mong muốn về xây nhà ở quê. Năm 2021, gia đình đã họp bàn và thống nhất cắt cho ông K diện tích 70m<sup>2</sup> để làm nhà. Đến năm 2022, sau khi mọi người thống nhất và không ai có ý kiến gì thì ông K đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4, diện tích 50m<sup>2</sup>, lợp tôn đóng trần nhựa chống nóng, sân lợp mái tôn. Cụ Lương Xuân T chết không để lại di chúc nên ông đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của cụ T để lại theo quy định pháp luật. Phần ông được hưởng thừa kế của cụ T ông xin nhận bằng hiện vật. Do ông đã có công trình xây dựng trên đất nên ông và bà P (vợ ông K) xin được nhận phần đất tại vị trí ông đã xây nhà.

\* Tại đơn trình bày và bản tự khai bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2 trình bày: Cụ Lương Xuân T chết không để lại di chúc. Vì vậy, bà H1, bà S, ông K, bà H2 đều đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Lương Xuân T theo pháp luật. Bà Trần Thị H1, bà Lương Thị H2 có quan điểm suất thừa kế mà hai bà được nhận của cụ Lương Xuân T thì hai bà xin nhận và cho lại ông Lương Hữu Í. Bà Lương Thị S cũng có quan điểm suất thừa kế mà bà được nhận của cụ Lương Xuân T bà cho lại cụ Đào Thị M. Ông Lương Xuân D có quan điểm suất thừa kế được nhận của cụ Lương Xuân T, ông cho lại ông Lương Xuân K.

\* Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS – ST ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ Đào Thị M.

Giao cho ông Lương Xuân K và ông Lương Hữu Í được quyền sử dụng làm lối đi chung diện tích 22,5m<sup>2</sup> đất trong đó có 15m<sup>2</sup> đất ở và 7,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000. Phần đất này hiện nay làm sân trước nhà ông K có chiều dài cạnh phía T (phía nhà cụ M) tính từ giáp đường xóm vào phía T (phía nhà ông K) là 2,6m; chiều dài cạnh phía Đông Nam (giáp đất vườn thửa 144 của ông Í) tính từ giáp đường xóm vào phía T (phía nhà ông K) là 2,4m; chiều dài cạnh phía T (phía nhà ông K) và cạnh phía Đông Bắc (giáp ngõ xóm) tính từ mép ngoài bức tường nhà ông K phía T (phía nhà cụ M) về phía Đông Nam (giáp đất vườn thửa 144 của ông Í) là 09 m. (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Lương Xuân K được quyền sử dụng diện tích đất 81m<sup>2</sup> trong đó có 51,5 m<sup>2</sup> đất ở và 29,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000. Diện tích đất ông K sử dụng có chiều dài tính từ mép ngoài bức tường nhà ông K phía T (phía nhà cụ M) về phía Đông Nam (giáp đất vườn thửa 144 của ông Í) là 09m, chiều ngang tính từ mép ngoài bức tường sau nhà ông K phía Tây Nam (giáp thửa đất

145 ) về phía Đông Bắc đến phần đất được sử dụng làm lối đi chung giữa ông K và ông Í là 09 m. (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Lương Hữu Í được quyền sử dụng 426,5m<sup>2</sup> đất còn lại trong đó có 143,5 m<sup>2</sup> đất ở và 108m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144 và 175m<sup>2</sup> ao đất ao thuộc thửa số 140 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000. (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Lương Hữu Í có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Xuân H số tiền 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn), thanh toán cho chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 mỗi người 10.167.000 đồng (mười triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

\* Tại đơn kháng cáo ngày 18 tháng 4 năm 2024 của chị Lương Thị C, tại đơn kháng cáo ngày 31 tháng 3 năm 2024 của chị Lương Thị C1, tại đơn kháng cáo ngày 30 tháng 3 năm 2024 của anh Lương Hồng V, tại đơn kháng cáo ngày 18 tháng 3 năm 2024 của ông Lương Xuân H đều có chung một nội dung kỷ phần thừa kế được chia của cụ T, chị C, anh V, chị C1, ông H xin nhận bằng hiện vật (đất) để sau này xây dựng nơi thờ cúng tổ tiên, chứ không đồng ý nhận bằng tiền như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lương Xuân H là người có quyền lợi liên quan và anh Lương Hồng V là bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, vẫn giữ nguyên lý do kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc. Ông Lương Hữu Í không chấp nhận lý do kháng cáo của ông H, anh V, chị C1, chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án chia cho của ông H, anh V, chị C1, chị C bằng hiện vật, thì ông Í đề nghị chia vào vị trí thửa đất ao. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng tài sản chung của cụ Lương Xuân T và cụ Đào Thị M là diện tích 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 144, tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19 ở thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y155920 ngày 28-6-2004 tên họ ông Lương Xuân T, di sản của cụ T chết để lại là ½ diện tích đất nêu trên, cụ T chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của cụ T diện tích 265m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật cho ông Lương Xuân K, ông Lương Hữu

Í bằng hiện vật. Ký phần được chia của ông Lương Xuân H và chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1, anh Lương Hồng V diện tích được chia rất nhỏ nên chia bằng giá trị cho ông H, chị C, chị C1, anh V như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Đào Thị M, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị H2 nhường ký phần được hưởng cho ông Lương Hữu Í, bà Lương Thị S nhường ký phần được hưởng cho cụ M, ông Lương Xuân D nhường ký phần được hưởng cho ông Lương Xuân K. Diện tích đất cụ M có quyền sử dụng là tài sản riêng của cụ M được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ T là diện tích 265 m<sup>2</sup> đất gồm 105m<sup>2</sup> đất ở, 72,5m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 87,5m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140 cụ M cho ông K một phần đất của cụ để đủ với diện tích ông K đã xây nhà. Diện tích đất còn lại cụ M cho hết ông Lương Hữu Í. Vì vậy, kháng cáo của ông H, anh V, chị C, chị C1 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Lương Hồng V là bị đơn, ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1 là người có quyền lợi liên quan làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị N đã uỷ quyền cho ông Lương Hữu Í, bà Trịnh Thị P đã uỷ quyền cho ông Lương Xuân K tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị H2, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân D vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ở Tòa án các cấp nên việc vắng mặt của chị C, chị C1, bà N, bà P, bà H1, bà H2, bà S, ông D tại phiên toà phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1, anh Lương Hồng V, ông Lương Xuân H đều có chung một nội dung ký phần thừa kế được chia của cụ T, chị C, anh V, chị C1, ông H xin nhận bằng hiện vật (đất) để sau này xây dựng nơi thờ cúng tổ tiên, chứ không đồng ý nhận bằng tiền như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định, tài sản chung giữa cụ Lương Xuân T và cụ Đào Thị M là quyền sử dụng đất (QSDD) diện tích 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 144, tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19 ở thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y155920 ngày 28-6-2004 tên hộ ông Lương Xuân T. Trên đất hiện có nhà, công trình xây dựng của vợ chồng

ông Í, bà N, vợ chồng ông K, bà P, còn một ngôi nhà có diện tích 59,1m<sup>2</sup> do cụ M sử dụng khi còn sống, sau khi xét xử sơ thẩm ông Í đã phá vỡ chỉ còn lại phần đất trống. Cụ M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản cụ T chết để lại. Diện tích đất cụ M có quyền sử dụng là tài sản riêng của cụ M được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ T là diện tích 265 m<sup>2</sup> đất gồm 105m<sup>2</sup> đất ở, 72,5m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 87,5m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140 và kỹ phần được hưởng thừa kế của cụ T xin nhận bằng hiện vật, cụ M cho ông K một phần đất của cụ để đủ với diện tích ông K đã xây nhà. Diện tích đất còn lại cụ M cho hết ông Lương Hữu Í. Bà Trần Thị H1, bà Lương Thị H2 tự nguyện tặng cho kỹ phần được hưởng cho ông Lương Hữu Í, bà Lương Thị S tự nguyện tặng cho kỹ phần được hưởng cho cụ M, ông Lương Xuân D tự nguyện tặng cho kỹ phần được hưởng cho ông Lương Xuân K, những người tặng cho tài sản đều không yêu cầu ông Í, ông K phải thanh toán bằng giá trị. Ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1, anh Lương Hồng V đề nghị chia thừa kế di sản cụ T theo pháp luật, phân di sản được chia xin được nhận bằng hiện vật để sau này xây dựng nơi thờ cúng tổ tiên.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lương Xuân T chết ngày 18-8-2010, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Đào Thị M còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về diện và hàng thừa kế của cụ Lương Xuân T: Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận vợ chồng cụ Lương Xuân T và cụ Đào Thị M có 08 người gồm: ông Lương Xuân Đ, ông Lương Xuân H, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2, ông Lương Hữu Í. Ông Lương Xuân Đ đã chết ngày 02-10-1993 chết trước cụ T. Ông Đ có 04 người con là chị Lương Thị T1 (sinh năm 1980 và đã chết năm 1999 không có chồng con), chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1. Ngày 18-8-2010 cụ T chết không để lại di chúc. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm: Cụ M, ông Lương Xuân H, bà Trần Thị H1, bà Lương Thị S, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân D, bà Lương Thị H2, ông Lương Hữu Í. Theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 là người thừa kế thế vị của ông Đ được hưởng di sản của cụ T.

[6] Chia di sản thừa kế của cụ Lương Xuân T theo pháp luật. Đến nay tất cả các đương sự đều công nhận ngày 28-6-2004, hộ ông Lương Xuân T được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y155920 được quyền sử dụng 530m<sup>2</sup> đất bao gồm 210m<sup>2</sup> đất ở, 145m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 175m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140 tại thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Lương Xuân T có 02 khẩu là cụ Đào Thị M và cụ Lương Xuân T. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện nay diện tích đất này có diện tích rộng hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối chiếu bản đồ địa chính đo vẽ năm 2000 và các đương sự thừa nhận thì nguyên nhân rộng



hơn là do ông Í và các chủ thửa đất 139, 145 đã tự chuyển đổi lối đi chung. Ông Í đã sử dụng toàn bộ diện tích ngõ đi theo bản đồ đo vẽ năm 2000 hình chữ L và mở ngõ đi mới hình chữ I nhưng việc đổi ngõ này chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, Tòa án chỉ xem xét yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 được thể hiện trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 2000. Các đương sự đều có yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ T để lại là quyền sử dụng đất này và không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các tài sản khác. Theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự và Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình, di sản thừa kế của cụ T để lại là một nửa diện tích đất cụ T và cụ M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Di sản của cụ T là diện tích 265 m<sup>2</sup> đất gồm 105m<sup>2</sup> đất ở, 72,5m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 87,5m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140. Hội đồng định giá tài sản xác định đất ở có giá trị là 2.500.000đ/m<sup>2</sup>; đất vườn và đất ao có giá trị là 75.000đ/m<sup>2</sup>. Tổng giá trị di sản là 274.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Giá trị mỗi kỹ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trị giá 30.500.000đ. Mỗi kỹ phần được chia  $265\text{m}^2 : 9 = 29,44\text{m}^2$  (trong đó có 11,6m<sup>2</sup> đất ở, 8,04m<sup>2</sup> đất vườn, 9,8m<sup>2</sup> đất ao, đất ở có trị giá  $11,6\text{m}^2 \times 2.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 29.000.000\text{đ}$ , đất vườn + đất ao có trị giá  $8,04\text{m}^2 + 9,8\text{m}^2 = 17,84\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.338.000\text{đ}$ ).

[7] Xét yêu cầu của các đương sự về việc phân chia di sản: Ông Lương Xuân D cho ông Lương Xuân K phân thừa kế ông được hưởng. Bà Trần Thị H1, bà Trần Thị H3 cho ông Lương Hữu Í phân thừa kế các bà được hưởng. Bà Lương Thị S cho cụ Đào Thị M phân thừa kế bà được hưởng. Cụ M đề nghị: Diện tích đất cụ M có quyền sử dụng là tài sản riêng của cụ M được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ T là diện tích 265 m<sup>2</sup> đất gồm 105m<sup>2</sup> đất ở, 72,5m<sup>2</sup> đất vườn tại tờ bản đồ số 19, thửa số 144 và 87,5m<sup>2</sup> đất ao tại tờ bản đồ số 19, thửa số 140 và phần di sản được hưởng thừa kế của cụ T. Do con trai là Lương Xuân K hiện nay đã làm nhà ở. Nếu suất thừa kế của ông K và ông D cho ông K chưa đủ diện tích mà ông K đã làm nhà thì cụ M cho ông K một phần đất của cụ để đủ với diện tích ông K đã xây nhà. Diện tích đất còn lại cụ M cho hết ông Lương Hữu Í. Việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai của cụ M dưới sự chứng kiến của ông H, ông K, ông D, ông Í và anh V. Khi lập biên bản lấy lời khai, cụ M hoàn toàn minh mẫn không bị ai ép buộc. Xét thấy việc ông D, bà H1, bà H3, bà S và cụ M cho phần đất là tài sản riêng và phần di sản được hưởng thừa kế từ cụ T cho ông K, ông Í là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao toàn bộ phần di sản ông D, bà H1, bà H3, bà S, cụ M được chia thừa kế và phần tài sản của cụ M cho ông K, ông Í được quản lý, sử dụng là hoàn toàn phù hợp.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo chia hiện vật của ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 thấy rằng: Ông H, anh V, chị C, chị C1 đều đề nghị Tòa án chia thừa kế thuộc thửa số thửa số 140 + 144, tờ bản đồ số 19 xã M bằng hiện vật và chia liền nhau chung thành một khối. Yêu cầu này có cơ sở chấp nhận vì thửa đất có diện tích lớn, một cạnh lại tiếp giáp với đường đông của xóm dài hơn 30 m, phần diện tích ở giữa thửa đất là vị trí

đất ở trước đây có một ngôi nhà mái bằng 01 tầng đã cũ có diện tích 59,1m<sup>2</sup> do cụ M sử dụng khi còn sống, sau khi xét xử sơ thẩm ông Í đã phá dỡ chỉ còn lại phần đất trống có đủ diện tích để chia thừa kế, chiều rộng mặt đường và chiều dài, đảm bảo tương xứng với một diện tích sử dụng làm nhà ở được để chia cho các bên cùng sử dụng là phù hợp với các Điều 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 mà không ảnh hưởng gì đến các công trình của vợ chồng ông Í, bà N, vợ chồng ông K, bà P đã xây dựng. Tại vị trí này hiện nay có diện tích 71,1m<sup>2</sup> đất ở x 2.500.000đ/m<sup>2</sup> có trị giá 177.750.000đ so sánh với kỹ phần của ông H và anh V, chị C, chị C1 được chia có diện tích 29,44m<sup>2</sup> x 2 = 58,88m<sup>2</sup> có tổng trị giá (29.000.000đ + 1.338.000đ) x 2 = 60.676.000đ. Diện tích đất ông H được chia là 71,1m<sup>2</sup> : 2 = 35,55m<sup>2</sup>, diện tích đất anh V, chị C, chị C1 được chia là 35,55m<sup>2</sup> thì cần buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán trả chênh lệch cho ông Í số tiền 177.750.000đ - 60.676.000đ = 117.074.000đ : 2 = 58.537.000đ, buộc anh V, chị C, chị C1 phải có trách nhiệm thanh toán trả chênh lệch cho ông Í số tiền 58.537.000đ chia phần mỗi người là 19.512.000đ làm tròn là phù hợp pháp luật.

[9] Về phân chia đất: Để ông Lương Xuân K có lối đi, ông Lương Hữu Í có lối đi ra vườn thuộc thửa đất số 144. Giao cho ông Lương Xuân K và ông Lương Hữu Í được quyền sử dụng làm lối đi chung diện tích 22,5m<sup>2</sup> đất trong đó có 15m<sup>2</sup> đất ở và 7,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19. Phần đất này hiện nay làm sân trước nhà ông K cạnh tiếp giáp nhà cũ của cụ M có chiều dài là 2,6m; cạnh tiếp giáp với đất vườn có chiều dài là 2,4m; cạnh tiếp giáp với đường xóm và cạnh tiếp giáp với phần đất chia cho ông K đều có chiều dài là 09 m. Giao cho ông Lương Xuân K được quyền sử dụng diện tích đất 81m<sup>2</sup> trong đó có 51,5 m<sup>2</sup> đất ở và 29,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19. Diện tích đất ông K sử dụng có chiều dài bốn cạnh bằng nhau là 09m. Giao cho ông Lương Hữu Í được quyền sử dụng 355,4m<sup>2</sup> đất còn lại trong đó có 72,4 m<sup>2</sup> đất ở và 108m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144 tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa số 140 tờ bản đồ số 19.

[10] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia di sản thừa kế cho ông H, anh V, chị C, chị C1 bằng giá trị. Trong khi đó vẫn có thể chia bằng hiện vật cho các bên cùng sử dụng là chưa đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Kháng cáo của ông H, anh V, chị C, chị C1 đề nghị chia di sản thừa kế bằng hiện vật là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần phải sửa lại bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho ông H, anh V, chị C, chị C1 là phù hợp pháp luật.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của của ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 được chấp nhận nên ông H, anh V, chị C, chị C1 không phải nộp án phí phúc thẩm, Số tiền ông H, anh V, chị C, chị C1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc sẽ được hoàn trả lại.

[12] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148 khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660; Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95; Điều 167; Điều 169; Điều 170; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 33; Điều 59; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ Đào Thị M.

2. Giao cho ông Lương Xuân K và ông Lương Hữu Í được quyền sử dụng làm lối đi chung diện tích 22,5m<sup>2</sup> đất trong đó có 15m<sup>2</sup> đất ở và 7,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000 có tứ cận như sau: Cạnh phía Tây tiếp giáp phần đất chia cho anh V, chị C, chị C1 dài 2,6m; cạnh phía Đông giáp đất vườn thửa 144 dài 2,4m; cạnh phía Nam giáp phần đất chia cho ông K dài 9m, cạnh phía Bắc giáp ngõ xóm dài 9m.

3. Giao cho ông Lương Xuân K được quyền sử dụng diện tích đất 81m<sup>2</sup> trong đó có 51,5 m<sup>2</sup> đất ở và 29,5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000 có tứ cận như sau. Cạnh phía Tây tiếp giáp phần đất chia cho anh V, chị C, chị C1 dài 9m; cạnh phía Đông giáp đất vườn thửa 144 dài 9m; cạnh phía Nam giáp thửa đất 145 dài 9m, cạnh phía Bắc giáp phần đất dành làm ngõ đi chung dài 9m.

4. Giao cho ông Lương Xuân H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 35,55m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 144 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000 có tứ cận như sau; cạnh Bắc giáp đất ngõ xóm có chiều dài 2,97m, cạnh phía Đông tiếp giáp với phần đất chia cho anh V, chị C, chị C1 có chiều dài 12m, cạnh phía Nam tiếp giáp với thửa đất 145 có chiều dài 2,995m, cạnh phía Tây tiếp giáp với ngõ đi chung hiện nay có chiều dài 12,12m.

5. Giao cho chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 35,55m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 144 tờ bản đồ số 19

bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000 có tứ cận như sau; cạnh Bắc giáp đất ngô xóm có chiều dài 2,97m, cạnh phía Đông tiếp giáp với phần đất chia cho ông K có chiều dài 11,88m, cạnh phía Nam tiếp giáp với thửa đất 145 có chiều dài 2,995m, cạnh phía Tây tiếp giáp với phần đất chia cho ông H có chiều dài 12m.

6. Giao cho ông Lương Hữu Í được quyền quản lý, sử dụng 355,4m<sup>2</sup> đất còn lại trong đó có 72,4 m<sup>2</sup> đất ở và 108m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa số 144 tờ bản đồ số 19 và 175m<sup>2</sup> ao đất ao thuộc thửa số 140 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã M, huyện M, tỉnh Nam Định đo vẽ năm 2000.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất tại thửa đất số 140 + 144 tờ bản đồ số 19 ở xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

7. Nghĩa vụ thanh toán; Buộc ông Lương Xuân H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Hữu Í số tiền 58.537.000 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn). Buộc chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Hữu Í số tiền 19.512.000 đồng (mười chín triệu năm trăm mười hai nghìn).

8. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

9. Ông Lương Hữu Í, ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

10. Nghĩa vụ bàn giao: Buộc vợ chồng ông Lương Hữu Í, bà Trần Thị N là người đang quản lý, sử dụng đất ở phải có trách nhiệm bàn giao cho ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 diện tích 71,1m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 144 tờ bản đồ số 19 ở xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Ông Lương Hữu Í có trách nhiệm giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y155920 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 28-6-2004 đứng tên hộ ông Lương Xuân T do ông Í đang quản lý cho ông Lương Xuân K, ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

11. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Lương Xuân H, ông Lương Xuân K. Buộc ông Lương Hữu Í phải nộp 7.625.000 đồng (bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn). Buộc anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C, chị Lương Thị C1 mỗi người phải nộp 508.000 đồng (năm trăm linh tám nghìn).

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Xuân H, chị Lương Thị C, anh Lương Hồng V, chị Lương Thị C1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H, chị C, anh V, chị C1 mỗi người số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông H, chị C, anh V, chị C1 đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0000535 ngày 05-4-2024, số 0000542 ngày 03-5-2024, số 0000536 ngày 09-4-2024, số 0000539 ngày 11-4-2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Lại Văn Tùng  
(Đã ký)**